

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH**



## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	5 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11 - 12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	13 - 15
7. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	16
8. Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	17 - 45

\*\*\*\*\*



**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 84/UBCK – GPĐCKD ngày 05 tháng 3 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp các Giấy phép điều chỉnh như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 9 năm 2015 về việc tăng vốn điều lệ từ 35.000.000.000 VND lên 70.000.000.000 VND.
- Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 9 năm 2017 về việc thay đổi trụ sở hoạt động của Công ty.
- Giấy phép điều chỉnh số 20/GPĐC-UBCK ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc tăng vốn điều lệ từ 70.000.000.000 VND lên 150.000.000.000 VND.
- Giấy phép điều chỉnh số 61/GPĐC-UBCK ngày 15 tháng 10 năm 2019 về việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh tự doanh chứng khoán.
- Giấy phép điều chỉnh số 125/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc tăng vốn điều lệ từ 150.000.000.000 VND lên 300.000.000.000 VND.
- Giấy phép điều chỉnh số 88/GPĐC-UBCK ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc người đại diện theo pháp luật thay đổi từ chứng minh nhân dân sang căn cước công dân.

**Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84 - 28) 3914 7799
- Fax : (84 - 28) 3914 4511

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy phép hoạt động kinh doanh là môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tự doanh chứng khoán.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên	Chủ tịch	Ngày 28 tháng 4 năm 2023
Ông Mai Thành Chương	Ủy viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Ngọc Tranh	Ủy viên	Ngày 22 tháng 4 năm 2021

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Đào Thị Lan	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2026
Bà Nguyễn Thị Tuyết	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2021
Bà Võ Thị Tuyết Nhi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Bà Mai Thị Trí	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2026



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty là Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên (tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023).

## Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023).

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

## Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

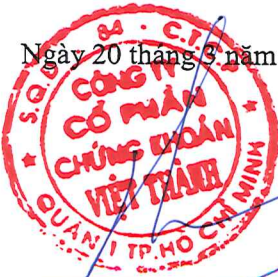
Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026



Nguyễn Thị Cẩm Viên  
Tổng Giám đốc



Số: 1.0388/26/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 45, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

Nguyễn Minh Trí  
Thành viên Ban Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0089-2023-008-1  
Người được ủy quyền

Nguyễn Thị Phước Tiên  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1199-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2026



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A -</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>310.929.328.664</b>	<b>294.682.151.074</b>
<b>I.</b>	<b>Tài sản tài chính</b>	<b>110</b>		<b>308.908.680.365</b>	<b>292.204.203.741</b>
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	111	VI.1	26.098.719.827	55.879.450.236
1.1	Tiền	111.1		26.098.719.827	55.879.450.236
1.2	Các khoản tương đương tiền	111.2		-	-
2.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	VI.4	186.014.863.279	185.659.400.301
3.	Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	VI.2	200.000.000	-
4.	Các khoản cho vay	114	VI.5	91.766.084.807	48.393.486.455
5.	Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115		-	-
6.	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116		-	-
7.	Các khoản phải thu	117		4.391.203.076	1.818.148.890
7.1	Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		-	-
7.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		4.391.203.076	1.818.148.890
7.2.1	Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		-	-
7.2.2	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4	VI.6	4.391.203.076	1.818.148.890
8.	Trả trước cho người bán	118	VI.7	430.000.000	446.970.000
9.	Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119		-	-
10.	Phải thu nội bộ	120		-	-
11.	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	121		-	-
12.	Các khoản phải thu khác	122		7.809.376	6.747.859
13.	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>130</b>		<b>2.020.648.299</b>	<b>2.477.947.333</b>
1.	Tạm ứng	131		-	-
2.	Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		-	-
3.	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	VI.8a	187.995.298	310.388.003
4.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	VI.11a	706.807.200	-
5.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		-	-
6.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136	VI.15	1.125.845.801	2.167.559.330
7.	Tài sản ngắn hạn khác	137		-	-
8.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	138		-	-
9.	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	139		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B -</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>13.650.292.864</b>	<b>10.141.162.223</b>
<b>I.</b>	<b>Tài sản tài chính dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Các khoản phải thu dài hạn	211		-	-
2.	Các khoản đầu tư	212		-	-
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1		-	-
2.2	Đầu tư vào công ty con	212.2		-	-
2.3	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	212.3		-	-
2.4	Đầu tư dài hạn khác	212.4		-	-
3.	Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.805.309.057</b>	<b>1.370.783.051</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	1.715.977.401	1.284.111.393
	- Nguyên giá	222		5.450.861.516	4.559.427.996
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(3.734.884.115)	(3.275.316.603)
	- Đánh giá TSCĐHH theo giá trị hợp lý	223b		-	-
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226a		-	-
	- Đánh giá TSCĐTC theo giá trị hợp lý	226b		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	89.331.656	86.671.658
	- Nguyên giá	228		7.744.626.000	7.704.726.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(7.655.294.344)	(7.618.054.342)
	- Đánh giá TSCĐVH theo giá trị hợp lý	229b		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
	- Nguyên giá	231		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	232a		-	-
	- Đánh giá BĐSĐT theo giá trị hợp lý	232b		-	-
<b>IV.</b>	<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>11.844.983.807</b>	<b>8.770.379.172</b>
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	VI.11b	40.000.000	726.807.200
2.	Chi phí trả trước dài hạn	252	VI.8b	36.104.216	86.498.842
3.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	VI.12	3.513.941.734	-
4.	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	254	VI.13	8.254.937.857	7.957.073.130
5.	Tài sản dài hạn khác	255		-	-
<b>VI.</b>	<b>Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</b>	<b>260</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>270</b>		<b>324.579.621.528</b>	<b>304.823.313.297</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C -</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5.165.542.249</b>	<b>1.761.917.827</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.165.542.249</b>	<b>1.761.917.827</b>
1.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		-	-
1.1	Vay ngắn hạn	312		-	-
1.2	Nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	313		-	-
2.	Vay tài sản tài chính ngắn hạn	314		-	-
3.	Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn - Cấu phần nợ	315		-	-
4.	Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316		-	-
5.	Vay Quỹ hỗ trợ thanh toán	317		-	-
6.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	VI.14	3.225.000.000	-
7.	Phải trả về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	319		-	-
8.	Phải trả người bán ngắn hạn	320		-	-
9.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		-	-
10.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	VI.15	354.606.121	159.742.160
11.	Phải trả người lao động	323	VI.16	1.075.500.261	950.746.365
12.	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		-	-
13.	Chi phí phải trả ngắn hạn	325	VI.17	272.330.552	467.157.465
14.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	326		-	-
15.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		-	-
16.	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328		-	-
17.	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	VI.18	238.105.315	184.271.837
18.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	330		-	-
19.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		-	-
20.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	332		-	-
<b>II.</b>	<b>Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>		-	-
1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	341		-	-
1.1	Vay dài hạn	342		-	-
1.2	Nợ thuê tài chính dài hạn	343		-	-
2.	Vay tài sản tài chính dài hạn	344		-	-
3.	Trái phiếu chuyển đổi dài hạn - Cấu phần nợ	345		-	-
4.	Trái phiếu phát hành dài hạn	346		-	-
5.	Phải trả người bán dài hạn	347		-	-
6.	Người mua trả tiền trước dài hạn	348		-	-
7.	Chi phí phải trả dài hạn	349		-	-
8.	Phải trả nội bộ dài hạn	350		-	-
9.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	351		-	-
10.	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	352		-	-
11.	Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	353		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	354		-	-
13.	Quỹ bảo vệ nhà đầu tư	355		-	-
14.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356		-	-
15.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	357		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH**

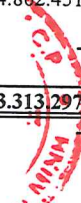
Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D -</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>319.414.079.279</b>	<b>303.061.395.470</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>319.414.079.279</b>	<b>303.061.395.470</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		301.000.000.000	301.000.000.000
1.1	Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		300.000.000.000	300.000.000.000
	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411.1a</i>	<i>VI.19</i>	<i>300.000.000.000</i>	<i>300.000.000.000</i>
	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>411.1b</i>		-	-
1.2	Thặng dư vốn cổ phần	411.2	VI.19	1.000.000.000	1.000.000.000
1.3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	411.3		-	-
1.4	Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		-	-
1.5	Cổ phiếu quỹ	411.5		-	-
2.	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		-	-
3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		-	-
4.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		-	-
5.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		-	-
6.	Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		-	-
7.	Lợi nhuận chưa phân phối	417	VI.19	18.414.079.279	2.061.395.470
7.1	Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		33.524.708.668	3.116.257.921
7.2	Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(15.110.629.389)	(1.054.862.451)
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>		-	-
	<b>TÓNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>440</b>		<b>324.579.621.528</b>	<b>304.823.313.297</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số lượng chứng khoán	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận thế chấp	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006		-	-
7. Cổ phiếu quỹ	007		-	-
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của CTCK	008		8.092.781	6.053.969
9. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK	009		-	-
10. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010		-	-
11. Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của CTCK	011		-	-
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK	012		-	-
13. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013		-	-
14. Chứng quyền	014		-	-
<b>B - TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
			<i>Số lượng chứng khoán</i>	
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư	021	VI.20	162.423.018	150.385.076
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		31.690.586	59.534.224
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		-	-
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		130.556.432	90.703.832
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		-	-
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		176.000	147.020
f. Tài sản tài chính chờ cho vay	021.6		-	-
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	VI.21	67.366	49.818
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		67.366	49.818
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		-	-
c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, cầm cố	022.3		-	-
d. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	022.4		-	-
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023		-	-
4. Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của Nhà đầu tư	024.a		-	-
5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Nhà đầu tư	024.b		-	-
6. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
7.	Tiền gửi của khách hàng	026	VI.22	5.631.223.093	6.505.060.222
7.1	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		2.348.513.093	2.593.005.222
7.2	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		-	-
7.3	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		3.282.710.000	3.912.055.000
	<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	029.1		3.282.710.000	3.912.055.000
	<i>Tiền gửi Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	029.2		-	-
7.4	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		-	-
8.	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	VI.22	5.631.223.093	6.505.060.222
8.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		5.631.223.093	6.505.060.222
8.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		-	-
9.	Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032		-	-
10.	Phải thu của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	033		-	-
11.	Phải trả của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	034		-	-
12.	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		-	-

Hồ Trần Ngọc Anh  
Người lập biểuĐào Thị Lan  
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Cẩm Viên  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>1. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		85.366.631.897	57.222.607.200
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	VII.1	74.383.932.745	37.907.243.926
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL	01.2	VII.2	4.068.991.048	10.662.905.262
c. Có tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3		6.913.708.104	8.652.458.012
d. Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	01.4		-	-
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02		-	-
1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	VII.3	11.380.064.567	6.779.829.188
1.4 Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04		-	-
1.5 Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	05		-	-
1.6 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	VII.4	4.874.156.182	4.840.380.847
1.7 Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		-	-
1.8 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		-	-
1.9 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	VII.4	536.660.132	482.016.136
1.10 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		-	-
1.11 Thu nhập hoạt động khác	11	VII.4	84.218.431	313.153.996
<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>20</b>		<b>102.241.731.209</b>	<b>69.637.987.367</b>
<b>2. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
2.1 Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		66.939.929.815	20.940.222.459
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	VII.1	45.301.230.095	8.316.287.620
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	VII.2	21.638.699.720	12.623.934.839
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3		-	-
d. Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	21.4		-	-
2.2 Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	22		-	-
2.3 Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	23		-	-
2.4 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		-	-
2.5 Lỗ từ các tài sản tài chính phái sinh phòng ngừa rủi ro	25		-	-
2.6 Chi phí hoạt động tự doanh	26		-	-
2.7 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	VII.5	1.937.767.813	1.470.934.527
2.8 Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		-	-
2.9 Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		-	-
2.10 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	VII.5	603.960.149	529.331.569
2.11 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		-	-
2.12 Chi phí các dịch vụ khác	32		-	-
<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>40</b>		<b>69.481.657.777</b>	<b>22.940.488.555</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo kết quả hoạt động (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
<b>3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3.1 Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		-	-
3.2 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	VII.6	558.373.006	416.740.032
3.3 Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	43		-	-
3.4 Doanh thu khác về đầu tư	44		-	-
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>50</b>		<b>558.373.006</b>	<b>416.740.032</b>
<b>4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		-	-
4.2 Chi phí lãi vay	52		-	-
4.3 Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	53		-	-
4.4 Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	54		-	-
4.5 Chi phí tài chính khác	55		-	-
<b>Cộng chi phí tài chính</b>	<b>60</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>5. CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>	<b>61</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>6. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>62</b>	<b>VII.7</b>	<b>15.004.382.527</b>	<b>12.662.016.765</b>
<b>7. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>70</b>		<b>18.314.063.911</b>	<b>34.452.222.079</b>
<b>8. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
8.1 Thu nhập khác	71		164.560	1.500.001
8.2 Chi phí khác	72		8.101.340	57.765.102
<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>	<b>80</b>		<b>(7.936.780)</b>	<b>(56.265.101)</b>
<b>9. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>90</b>		<b>18.306.127.131</b>	<b>34.395.956.978</b>
9.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		35.875.835.803	36.356.986.555
9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(17.569.708.672)	(1.961.029.577)
<b>10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP</b>	<b>100</b>		<b>1.953.443.322</b>	<b>-</b>
10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	100.1	VI.15	5.467.385.056	-
10.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	100.2	VI.12	(3.513.941.734)	-
<b>11. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>	<b>200</b>		<b>16.352.683.809</b>	<b>34.395.956.978</b>
<b>12. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP</b>	<b>300</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
12.1 Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	301		-	-
12.2 Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá của hoạt động tại nước ngoài	302		-	-
12.3 Lãi, lỗ đánh giá lại tài sản cố định theo mô hình giá trị hợp lý	303		-	-
12.4 Lãi, lỗ toàn diện khác	304		-	-
<b>TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN</b>	<b>400</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>13. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>	<b>500</b>		<b>545</b>	<b>1.147</b>
13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	VII.8	545	1.147
13.2 Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502		-	-



Hồ Trần Ngọc Anh  
Người lập biểu



Đào Thị Lan  
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Thị Cẩm Viên  
Tổng Giám đốc

5 - C.T.  
TNHH  
À TỰ VÃ  
C  
P. HỒ C



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>01</b>		<b>18.306.127.131</b>	<b>34.395.956.978</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>	<b>02</b>		<b>496.807.514</b>	<b>349.997.937</b>
- Khấu hao tài sản cố định	03	VI.9, VI.10	496.807.514	349.997.937
- Các khoản dự phòng	04		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		-	-
- Dự thu tiền lãi	08		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	09		-	-
<b>3. Tăng các chi phí phi tiền tệ</b>	<b>10</b>		<b>21.638.699.720</b>	<b>12.623.934.839</b>
- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11	VII.2	21.638.699.720	12.623.934.839
- Lỗ suy giảm giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	12		-	-
- Lỗ suy giảm giá trị các khoản cho vay	13		-	-
- Lỗ về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý TSTC sẵn sàng để bán AFS khi phân loại lại	14		-	-
- Suy giảm giá trị của các tài sản cố định, BĐSĐT	15		-	-
- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16		-	-
- Lỗ khác	17		-	-
<b>4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ</b>	<b>18</b>		<b>(4.068.991.048)</b>	<b>(10.662.905.262)</b>
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19	VII.2	(4.068.991.048)	(10.662.905.262)
- Lãi về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý TSTC sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	20		-	-
- Lãi khác	21		-	-
<b>5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>30</b>		<b>36.372.643.317</b>	<b>36.706.984.492</b>
- Tăng, giảm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31	VI.4, VII.2	(17.925.171.650)	(48.838.884.090)
- Tăng, giảm Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32	VI.2	(200.000.000)	-
- Tăng, giảm Các khoản cho vay	33	VI.5	(43.372.598.352)	26.870.504.933
- Tăng, giảm tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	34		-	-
- Tăng, giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		-	-
- Tăng, giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36	VI.6	(2.573.054.186)	(394.011.337)
- Tăng, giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải thu về lỗi giao dịch các TSTC	38		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải thu khác	39		12.236.956	(1.395.844)
- Tăng, giảm các tài sản khác	40	VI.7, VI.11, VI.13	(317.864.727)	(470.908.232)
- Tăng, giảm chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	VI.17	(194.826.913)	99.836.836
- Tăng, giảm chi phí trả trước	42	VI.8	172.787.331	(285.090.362)
- Thuế TNDN đã nộp	43	VI.15	(4.422.000.000)	(1.108.000.000)
- Lãi vay đã trả	44		-	-
- Tăng, giảm phải trả cho người bán	45		-	-
- Tăng, giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		-	-
- Tăng, giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	VI.15	194.863.961	(211.726.501)
- Tăng, giảm phải trả người lao động	48	VI.16	124.753.896	(61.168.153)
- Tăng, giảm phải trả về lỗi giao dịch các TSTC	49		-	-
- Tăng, giảm phải trả, phải nộp khác	50	VI.14, VI.18	3.278.833.478	(514.180)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>60</b>		<b>(28.849.396.889)</b>	<b>12.305.627.562</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61	VI.9, VI.10, IX.	(931.333.520)	(717.650.740)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		-	-
3. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	63		-	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	64		-	-
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>70</b>		<b>(931.333.520)</b>	<b>(717.650.740)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	71		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành	72		-	-
3. Tiền vay gốc	73		-	-
- Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	73.1		-	-
- Tiền vay khác	73.2		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		-	-
- Tiền chi trả nợ gốc vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	74.1		-	-
- Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính	74.2		-	-
- Tiền chi trả nợ gốc vay khác	74.3		-	-
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	75		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>80</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>				
	<b>90</b>		<b>(29.780.730.409)</b>	<b>11.587.976.822</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>				
- Tiền	101	VI.1	55.879.450.236	44.291.473.414
- Các khoản tương đương tiền	101.1		55.879.450.236	44.291.473.414
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	101.2		-	-
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	102		-	-
<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>				
- Tiền	103	VI.1	26.098.719.827	55.879.450.236
- Các khoản tương đương tiền	103.1		26.098.719.827	55.879.450.236
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	103.2		-	-
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	104		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền (đồng)	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		6.476.615.835.377	6.547.307.793.970
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(6.477.489.672.506)	(6.622.687.401.316)
3. Tiền thu bán chứng khoán ủy thác của khách hàng	03		-	-
4. Tiền chi bán chứng khoán ủy thác của khách hàng	04		-	-
5. Thu vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	05		-	-
6. Chi trả vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	06		-	-
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		-	-
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		-	-
9. Nhận tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	09		-	-
10. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	10		-	-
11. Thu lỗi giao dịch chứng khoán	11		-	-
12. Chi lỗi giao dịch chứng khoán	12		-	-
13. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	13		-	-
14. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	14		-	-
<b>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>	<b>20</b>		<b>(873.837.129)</b>	<b>(75.379.607.346)</b>
<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>	<b>30</b>	<b>VI.22</b>	<b>6.505.060.222</b>	<b>81.884.667.568</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		6.505.060.222	81.884.667.568
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		2.593.005.222	81.699.837.568
<i>Trong đó có kỳ hạn</i>			-	-
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33		-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		3.912.055.000	184.830.000
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35		-	-
<i>Trong đó có kỳ hạn</i>			-	-
- Các khoản tương đương tiền	36		-	-
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	37		-	-
<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng</b>	<b>40</b>	<b>VI.22</b>	<b>5.631.223.093</b>	<b>6.505.060.222</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		5.631.223.093	6.505.060.222
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		2.348.513.093	2.593.005.222
<i>Trong đó có kỳ hạn</i>			-	-
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43		-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		3.282.710.000	3.912.055.000
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		-	-
<i>Trong đó có kỳ hạn</i>			-	-
- Các khoản tương đương tiền	46		-	-
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	47		-	-

Hồ Trần Ngọc Anh  
Người lập biểu

Đào Thị Lan  
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Cẩm Viên  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà M&L Minh Point, Số 2 Ngõ Đúc Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

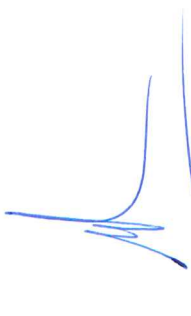
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

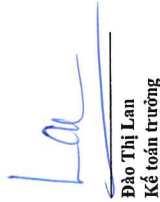
Đơn vị tính: VND

CHI TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Tăng	Giảm	Năm trước	Năm nay
	Thuyết minh					
<b>I. Biến động vốn chủ sở hữu</b>						
I. Vốn đầu tư của chủ sở hữu						
I.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	268.665.438.492	303.061.395.470	34.395.956.978	-	303.061.395.470	319.414.079.279
I.2 Cổ phiếu ưu đãi	301.000.000.000	301.000.000.000	-	-	301.000.000.000	301.000.000.000
I.3 Thặng dư vốn cổ phần	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
I.4 Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
I.5 Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-
2. Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-	-	-	-
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	-	-	-	-	-
5. Chính sách đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	-	-	-	-	-	-
6. Chính sách tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-
7. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(32.334.561.508)	2.061.395.470	34.395.956.978	-	2.061.395.470	18.414.079.279
8. Lợi nhuận chưa phân phối	(33.240.728.634)	3.116.257.921	36.356.986.555	-	3.116.257.921	33.524.708.668
8.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	906.167.126	(1.054.862.451)	(1.961.029.577)	-	(1.054.862.451)	(15.110.629.389)
8.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	268.665.438.492	303.061.395.470	34.395.956.978	-	303.061.395.470	319.414.079.279
<b>Cộng</b>						
	268.665.438.492	303.061.395.470	34.395.956.978	-	303.061.395.470	319.414.079.279
<b>II. Thu nhập toàn diện khác</b>						
1. Lãi/lỗ từ đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán	-	-	-	-	-	-
2. Lãi, lỗ đánh giá lại TD theo mô hình giá trị hợp lý	-	-	-	-	-	-
3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá của hoạt động tại nước ngoài	-	-	-	-	-	-
4. Lãi, lỗ toàn diện khác	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>						
	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>						
	268.665.438.492	303.061.395.470	34.395.956.978	-	303.061.395.470	319.414.079.279

  
Hồ Trần Ngọc Anh  
Người lập biểu



Nguyễn Thị Cẩm Viên  
TỔNG GIÁM ĐỐC

  
Nguyễn Thị Cẩm Viên  
Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Giấy phép thành lập và hoạt động

Công ty hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 84/UBCK – GPĐKD ngày 05 tháng 3 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

#### 2. Địa chỉ liên hệ

Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

#### 3. Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành ngày 4 tháng 4 năm 2007 và sửa đổi bổ sung ngày 20 tháng 4 năm 2025.

#### 4. Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

##### • Quy mô vốn:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 319.414.079.279 VND, tổng tài sản là 324.579.621.528 VND.

##### • Mục tiêu hoạt động:

Hoạt động chính của Công ty là: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

##### • Hạn chế đầu tư:

Công ty tuân thủ quy định về hạn chế đầu tư tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 (sau đây gọi tắt là “Thông tư số 121”) của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 3, Điều 3, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 (sau đây gọi tắt là “Thông tư số 68”), cụ thể như sau:

- Công ty không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty.
- Công ty mua, đầu tư bất động sản để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản đầu tư không được vượt quá 50% tổng tài sản của Công ty.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của Công ty không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- Công ty không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
  - ✓ Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
  - ✓ Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- ✓ Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
  - ✓ Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết; quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
  - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
  - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
  - ✓ Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này Công ty không phải tuân thủ các quy định sau:
- ✓ Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
  - ✓ Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết; quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
  - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh.

Bên cạnh đó, Công ty dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

- ✓ Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh mà Công ty đang thực hiện;
- ✓ Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt 180%;
- ✓ Công ty sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về hạn chế vay nợ quy định tại Điều 26, Thông tư số 121 và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3, Điều 28 và Điểm e, Khoản 4, Điều 28, Thông tư số 121, cụ thể như sau:

### *Hạn chế vay nợ:*

- + Tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty không vượt quá 5 lần. Giá trị tổng nợ theo quy định này không bao gồm: tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng; quỹ khen thưởng, phúc lợi; dự phòng trợ cấp mất việc làm; dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư;
- + Nợ ngắn hạn của Công ty tối đa bằng tài sản ngắn hạn;
- + Công ty chào bán trái phiếu thực hiện theo quy định tại Luật Chứng khoán, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và phải đảm bảo tuân thủ tỷ lệ quy định nêu trên.

### *Hạn chế đầu tư:*

- + Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của Công ty không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu;
- + Công ty không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Trường hợp Công ty đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của Công ty hoặc tổ chức góp vốn, Công ty phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4; Điều 28; Thông tư số 121 tối đa trong thời hạn 1 năm.
- Trường hợp Công ty thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 9a, Thông tư số 120/2020/TT-BTC về thực hiện giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức dẫn đến vượt quá hạn mức đầu tư quy định tại Khoản 4, Điều 28, Thông tư số 121 thì Công ty không được tiếp tục nhận lệnh mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức cho đến khi đáp ứng hạn mức đầu tư và phải áp dụng các biện pháp cần thiết trong thời hạn tối đa 1 năm để tuân thủ hạn mức đầu tư.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 08/2026/TT-BTC ("Thông tư số 08") sửa đổi, bổ sung nhiều thông tư có liên quan về quản lý hoạt động của các công ty chứng khoán, trong đó Điều 14 của Thông tư số 08 bổ sung thêm Khoản 8 và Khoản 9 vào sau Khoản 7, Điều 28, Thông tư số 121 đã được bổ sung bởi Khoản 3, Điều 3, Thông tư số 68 về các nội dung sau:

- Trường hợp Công ty thực hiện theo quy định tại Khoản 9, Điều 16, Thông tư số 121 về thực hiện giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức dẫn đến vượt quá hạn mức đầu tư tại các Điểm a, c, d, đ, e và g, Khoản 4, Điều 28, Thông tư số 121 thì Công ty không được nhận lệnh mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, không được ký kết, thực hiện hợp đồng thỏa thuận nhận chuyển quyền sở hữu số cổ phiếu không được thực hiện thanh toán cho đến khi đáp ứng hạn mức đầu tư và phải áp dụng các biện pháp cần thiết trong thời hạn tối đa 1 năm để tuân thủ hạn mức đầu tư.
- Công ty thực hiện theo quy định tại Khoản 9, Điều 16, Thông tư số 121 phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 28, Thông tư số 121.

Công ty tuân thủ các quy định về hạn chế đầu tư bổ sung của Thông tư số 08 từ ngày 03 tháng 02 năm 2026.

### 5. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 28 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 26 nhân viên).

## II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán

Năm tài chính hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán chứng quyền có bảo đảm đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán trong việc lập Báo cáo tài chính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng khoán được trình bày tại Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

#### 3. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, nợ tài chính

##### 3.1. Nguyên tắc phân loại và ghi nhận tài sản tài chính (FVTPL, HTM, các khoản cho vay, AFS)

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu, bao gồm các loại sau:

##### *Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)*

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
  - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau khi ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán; hoặc không được phân loại là các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty; trừ trường hợp tài sản tài chính là công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy, tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với năm trước được thể hiện trên khoản mục “Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán” thuộc phần “Thu nhập toàn diện khác” trên Báo cáo kết quả hoạt động.

Tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính, Công ty đánh giá liệu có bằng chứng khách quan cho thấy tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị hay không. Đối với công cụ vốn, bằng chứng suy giảm bao gồm việc giá trị hợp lý giảm đáng kể hoặc kéo dài xuống thấp hơn giá gốc; trong đó “đáng kể” được xem xét trên mức độ chênh lệch so với giá gốc và “kéo dài” được đánh giá theo thời gian giá trị hợp lý duy trì dưới giá gốc. Khi xác định có suy giảm giá trị, toàn bộ khoản lỗ lũy kế liên quan đến tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị đã ghi nhận trong khoản mục “Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý” thuộc vốn chủ sở hữu được tái phân loại và ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động tại chi tiêu “Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán”. Khoản lỗ suy giảm được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

#### *Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)*

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như: phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phân chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ phải trả tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của sự suy giảm giá trị có thể bao gồm giá thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi và gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định dựa trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay”.

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành áp dụng cho công ty chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay và số dư của khoản vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay”.

### 3.2 Nguyên tắc phân loại lại tài sản tài chính

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý” thuộc vốn chủ sở hữu.

### 3.3 Nguyên tắc phân loại nợ tài chính:

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

### 3.4 Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### 3.5 Nguyên tắc dừng ghi nhận tài sản tài chính và nợ tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính, hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyên giao, và:
  - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
  - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng chưa ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu thanh toán.

### 3.6. Giá thị trường/giá trị hợp lý của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính.

Đối với các tài sản tài chính có giá niêm yết hoặc có thể xác định được giá thị trường, giá trị được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý được ghi nhận theo quy định áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính.

Giá thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh căn cứ vào giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày lập Báo cáo tình hình tài chính.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa trước thời điểm lập Báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách và tình hình tài chính của tổ chức phát hành tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính.

### 3.7. Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư nhận thế chấp

Công ty nhận các tài sản đầu tư được thế chấp/cầm cố do Công ty quản lý để đảm bảo các khoản cho vay của Công ty.

Trong trường hợp bên đi vay không thực hiện đúng nghĩa vụ phải trả, Công ty sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của bên đi vay sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của bên đi vay bắt đầu quá hạn.

Các tài sản nhận thế chấp/cầm cố được theo dõi riêng và không trình bày trên Báo cáo tài chính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 4. Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

- Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu bán các tài sản tài chính: Toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty chứng khoán (không qua các Sở Giao dịch chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này phải theo dõi qua chỉ tiêu “Phải thu bán các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.
- Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty chứng khoán phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chỉ tiêu “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.
- Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu khác: phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.
- Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.
  - Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
    - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
    - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
    - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
    - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
  - Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay” trong năm.

### 5. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ bao gồm chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm đến 05 năm.

### 8. Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

#### 8.1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

##### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - a. Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - b. Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

### 8.2. Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản phải trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và phải trả đại lý phát hành của Công ty chứng khoán.
- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 9. Vốn chủ sở hữu

#### Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và khi có thông báo quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

### **10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### ***Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán***

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận căn cứ vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ có thể được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

#### ***Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán***

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của các loại chứng khoán.

#### ***Thu nhập lãi***

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ khác***

Khi có thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **11. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra**

Công ty áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra.

### **12. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 14. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## V. QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH

### 1. Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

### 2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### *Các tài sản tài chính*

Công ty quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản đầu tư vào các tài sản tài chính thông qua chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Công ty. Công ty chỉ đầu tư vào các loại cổ phiếu, trái phiếu và chứng chỉ quỹ của các đơn vị có tình hình tài chính tốt, ổn định và sở hữu các thương hiệu lớn ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với các tài sản tài chính là thấp.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### *Các khoản cho vay*

Công ty cho các khách hàng ứng trước tiền bán chứng khoán, vay tiền margin và có hợp đồng ký quỹ đảm bảo. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

### *Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt hoặc có tài sản đảm bảo. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính.

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

### **3. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 01 năm trở xuống.

Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### **4. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

#### ***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì đa phần các khoản tiền gửi ngân hàng có lãi suất cố định.

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### *Rủi ro về giá chứng khoán*

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là trung bình.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.477.548.324	6.042.759.989
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.621.171.503	49.836.690.247
<b>Cộng</b>	<b>26.098.719.827</b>	<b>55.879.450.236</b>

### 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Khoản tiền gửi có kỳ hạn này đã được cầm cố tại Ngân hàng này để đảm bảo cho thẻ tín dụng doanh nghiệp với hạn mức là 200.000.000 VND.

### 3. Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (VND)
<i>Của Công ty chứng khoán</i>	<i>114.215.680</i>	<i>2.547.568.989.000</i>
Cổ phiếu & chứng chỉ quỹ	112.854.000	2.368.987.489.000
Trái phiếu	1.361.680	178.581.500.000
<i>Của Nhà đầu tư</i>	<i>128.511.128</i>	<i>3.223.308.374.782</i>
Cổ phiếu & chứng chỉ quỹ	124.754.022	2.588.772.281.790
Trái phiếu	3.757.106	634.536.092.992
<b>Cộng</b>	<b>242.726.808</b>	<b>5.770.877.363.782</b>

### 4. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<i>Cổ phiếu</i>	<i>170.314.420.412</i>	<i>150.027.140.079</i>	<i>92.516.999.606</i>	<i>84.504.200.301</i>
IJC	518.207.976	449.704.744	25.348.906.088	24.833.050.000
HSG	24.103.025.789	22.666.785.750	26.343.255.358	23.941.845.501
CII	44.804.404.927	39.844.415.114	22.566.024.624	18.135.558.000
PVD	3.535.476.118	3.831.619.726	7.459.995.556	6.804.720.000
TCH	4.303.683.857	4.190.700.000	3.029.180.000	3.030.000.000
DCM	10.666.819.295	10.238.751.245	-	-
BCG <sup>(i)</sup>	5.539.772.781	4.048.000.000	-	-
CTG	42.073.764.188	32.518.200.000	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
DPM	32.652.183.463	30.126.500.000	-	-
DXG	131.040.000	133.380.000	-	-
NBB	1.985.004.354	1.977.651.000	1.894.863.459	1.919.146.800
HPG	-	-	2.705.000.000	2.665.000.000
VPB	1.037.664	1.432.500	2.397.774.521	2.402.880.000
EIB	-	-	772.000.000	772.000.000
<i>Trái phiếu</i>	<b>34.325.013.990</b>	<b>35.987.723.200</b>	<b>94.197.263.146</b>	<b>101.155.200.000</b>
CII424002	-	-	94.197.263.146	101.155.200.000
CII425021	34.325.013.990	35.987.723.200	-	-
<b>Cộng</b>	<b>204.639.434.402</b>	<b>186.014.863.279</b>	<b>186.714.262.752</b>	<b>185.659.400.301</b>

(i) Cổ phiếu BCG của Công ty Cổ phần Bamboo Capital đã bị đình chỉ kể từ ngày 09 tháng 10 năm 2025. Tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, Công ty Cổ phần Bamboo Capital chưa công bố Báo cáo tài chính năm 2025 và không phát sinh giao dịch đối với cổ phiếu này kể từ sau thời điểm bị đình chỉ. Do không có giá giao dịch trên thị trường, cũng như không có thông tin tài chính cập nhật để xác định giá trị hợp lý theo phương pháp khác. Do đó, Công ty sử dụng giá đóng cửa gần nhất trước thời điểm cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch là 2.530 VNĐ/cổ phiếu làm cơ sở xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này tại thời điểm kết thúc năm tài chính theo Quyết định số 2512241/QĐ-TGD/2025 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Tổng Giám đốc Công ty.

**5. Các khoản cho vay**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Cho bên liên quan vay</i>	-	789.915.828
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Việt Thành - Ứng trước tiền bán chứng khoán	-	789.915.828
<i>Cho các tổ chức và cá nhân khác vay</i>	<b>91.766.084.807</b>	<b>47.603.570.627</b>
Ứng trước tiền bán chứng khoán	3.893.817.451	2.634.426.321
Phải thu theo hợp đồng ký quỹ margin	87.872.267.356	44.969.144.306
<b>Cộng</b>	<b>91.766.084.807</b>	<b>48.393.486.455</b>

**6. Các khoản phải thu**

Phải thu tiền lãi của hợp đồng ký quỹ margin.

**7. Trả trước cho người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm F&B	430.000.000	430.000.000
Trả trước cho người bán khác	-	16.970.000
<b>Cộng</b>	<b>430.000.000</b>	<b>446.970.000</b>

**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	86.445.378	213.115.499
Chi phí dịch vụ	101.549.920	97.272.504
<b>Cộng</b>	<b>187.995.298</b>	<b>310.388.003</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	20.075.000	68.866.250
Chi phí dịch vụ	16.029.216	17.632.592
<b>Cộng</b>	<b><u>36.104.216</u></b>	<b><u>86.498.842</u></b>

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	648.605.700	3.910.822.296	4.559.427.996
Mua trong năm	-	891.433.520	891.433.520
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>648.605.700</u></b>	<b><u>4.802.255.816</u></b>	<b><u>5.450.861.516</u></b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	2.661.404.556	2.661.404.556
Chờ thanh lý	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	324.302.869	2.951.013.734	3.275.316.603
Khấu hao trong năm	108.100.956	351.466.556	459.567.512
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>432.403.825</u></b>	<b><u>3.302.480.290</u></b>	<b><u>3.734.884.115</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	324.302.831	959.808.562	1.284.111.393
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>216.201.875</u></b>	<b><u>1.499.775.526</u></b>	<b><u>1.715.977.401</u></b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

**10. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm máy tính, chi tiết như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	7.704.726.000	7.618.054.342	86.671.658
Mua trong năm	39.900.000	-	-
Khấu hao trong năm	-	37.240.002	-
<b>Số cuối năm (*)</b>	<b><u>7.744.626.000</u></b>	<b><u>7.655.294.344</u></b>	<b><u>89.331.656</u></b>

(\*) Trong đó, nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 7.551.776.000 VND.

**11. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược.****11a. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn**

Khoản đặt cọc thuê văn phòng theo hợp đồng số 09/2023/VTS/201-02/HD-KD ngày 28 tháng 6 năm 2023 có thời hạn còn lại dưới 12 tháng.

**11b. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ thuê văn phòng	-	706.807.200
Ký quỹ cung cấp thông tin	40.000.000	20.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>40.000.000</u></b>	<b><u>726.807.200</u></b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

#### Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ do chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	3.513.941.734
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.513.941.734</b>

#### (i) Chi tiết lỗ tính thuế đã ghi nhận tài sản thuế hoãn lại như sau:

Năm 2024	(1.054.862.451)
Năm 2025	18.624.571.123
<b>Cộng</b>	<b>17.569.708.672</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

### 13. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.957.073.130	7.523.134.898
Tiền nộp bổ sung	297.864.727	433.938.232
<b>Số cuối năm</b>	<b>8.254.937.857</b>	<b>7.957.073.130</b>

### 14. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả tiền gửi bù trừ giao dịch chứng khoán tự doanh.

### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	12.852	-	2.104.490	(5.788.869)	-	3.671.527
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.167.559.330	5.467.385.056	(4.422.000.000)	-	1.122.174.274
Thuế thu nhập cá nhân	159.729.308	-	3.574.193.563	(3.379.316.750)	354.606.121	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>159.742.160</b>	<b>2.167.559.330</b>	<b>9.046.683.109</b>	<b>(7.810.105.619)</b>	<b>354.606.121</b>	<b>1.125.845.801</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ môi giới chứng khoán Không chịu thuế
- Dịch vụ khác (\*) 10%

- (\*) Trong năm Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với các hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.875.835.803	36.356.986.555
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	8.101.340	57.765.102
Thu nhập chịu thuế	35.883.937.143	36.414.751.657
Cổ tức được chia trong năm	(4.269.451.608)	(4.364.934.578)
Lãi các năm trước được chuyển	(4.277.560.253)	(32.049.817.079)
Thu nhập tính thuế	27.336.925.282	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>5.467.385.056</b>	<b>-</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. **Phải trả người lao động**  
Tiền thưởng năm 2025 còn phải trả nhân viên.

17. **Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phí giao dịch sàn	100.981.097	324.392.210
Phí lưu ký chứng khoán và phí chuyển khoản	54.000.000	47.000.000
Các khoản chi phí khác	117.349.455	95.765.255
<b>Cộng</b>	<b>272.330.552</b>	<b>467.157.465</b>

18. **Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả bên liên quan</b>	<b>180.000.000</b>	<b>180.000.000</b>
Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên - Thủ lao phải trả HĐQT	180.000.000	180.000.000
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>58.105.315</b>	<b>4.271.837</b>
<b>Cộng</b>	<b>238.105.315</b>	<b>184.271.837</b>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## 19. Vốn chủ sở hữu

### 19a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên	199.870.000.000	199.870.000.000
Ông Mai Thanh Trường	7.700.000.000	7.700.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thành	57.360.000.000	57.360.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Lâm Viên	22.000.000.000	22.000.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Tranh	7.620.000.000	7.620.000.000
Bà Hồ Trần Ngọc Anh	5.450.000.000	5.450.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>300.000.000.000</u></b>	<b><u>300.000.000.000</u></b>

Theo Giấy phép điều chỉnh số 125/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 tương ứng với 30.000.000 cổ phần.

### 19b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 19c. Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện cuối năm lần lượt là 33.524.708.668 VND và (15.110.629.389) VND (số đầu năm là 3.116.257.921 VND và (1.054.852.451) VND).

### 19d. Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi đã thực hiện chưa phân phối lũy kế đầu năm	3.116.257.921	(33.240.728.634)
Lãi/(Lỗ) chưa thực hiện lũy kế đầu năm	(1.054.862.451)	906.167.126
Lãi/(Lỗ) đã thực hiện trong năm	30.408.450.747	36.356.986.555
Lãi/(Lỗ) chưa thực hiện trong năm	(14.055.766.938)	(1.961.029.577)
Chi thù lao Hội đồng quản trị	-	-
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông tính đến ngày cuối năm	33.524.708.668	3.116.257.921
Số lãi phân phối cho cổ đông	-	-
Thuế phải nộp tính trên thu nhập phân phối cho nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu	-	-
<b>Tổng thu nhập phân phối cho cổ đông</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 20. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	Số lượng cuối năm	Số lượng đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	31.690.586	59.534.224
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	130.556.432	90.703.832
Tài sản tài chính chờ thanh toán	176.000	147.020
<b>Cộng</b>	<b>162.423.018</b>	<b>150.385.076</b>

### 21. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng với số lượng cuối năm là 67.366 (số lượng đầu năm là 49.818).

### 22. Tiền gửi của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	2.348.513.093	2.593.005.222
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	3.282.710.000	3.912.055.000
<b>Cộng</b>	<b>5.631.223.093</b>	<b>6.505.060.222</b>

### 23. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý

Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý số cuối năm là 5.631.223.093 VND (số đầu năm là 6.505.060.222 VND).

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

### 1. Lãi (lỗ) bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi /(lỗ) bán chứng khoán	
				Năm nay	Năm trước
<b>Cổ phiếu</b>	<b>41.431.300</b>	<b>848.172.090.000</b>	<b>774.818.571.065</b>	<b>73.353.518.935</b>	<b>26.729.593.780</b>
Lãi bán IJC	2.803.000	41.517.200.000	39.293.139.706	2.224.060.294	919.453.576
Lãi bán HSG	7.111.500	137.114.380.000	132.096.618.909	5.017.761.091	2.550.996.855
Lãi bán CII	16.695.800	301.607.825.000	252.303.079.891	49.304.745.109	5.707.729.848
Lãi bán PVD	3.188.500	76.783.180.000	72.588.188.063	4.194.991.937	113.500.000
Lãi bán TCH	1.356.600	24.578.960.000	23.944.239.476	634.720.524	7.286.371.924
Lãi bán DCM	868.300	31.520.715.000	30.217.564.542	1.303.150.458	-
Lãi bán BCG	2.130.000	8.096.945.000	7.045.351.219	1.051.593.781	-
Lãi bán CTG	1.850.000	88.253.465.000	83.874.999.053	4.378.465.947	142.155.000
Lãi bán BID	823.700	33.747.555.000	32.899.030.203	848.524.797	-
Lãi bán DPM	308.600	10.594.025.000	10.395.550.000	198.475.000	276.895.000
Lãi bán DXG	330.000	5.415.000.000	5.144.500.000	270.500.000	-
Lãi bán NBB	204.500	4.797.080.000	4.544.977.972	252.102.028	4.520.655.805
Lãi bán VPB	3.140.100	64.399.450.000	61.646.336.217	2.753.113.783	1.056.418.085
Lãi bán EIB	473.500	11.571.360.000	11.074.700.000	496.660.000	1.492.798.732
Lãi bán BVH	147.200	8.174.950.000	7.750.295.814	424.654.186	2.539.113.954
Lãi bán PCI	-	-	-	-	114.400.001
Lãi bán TIP	-	-	-	-	9.105.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền	Lãi /(lỗ) bán chứng khoán	
<b>Trái phiếu</b>	<b>180.000</b>	<b>20.450.000.000</b>	<b>19.419.586.190</b>	<b>1.030.413.810</b>	<b>11.177.650.146</b>
Lãi bán					
CII424002	-	-	-	-	11.177.650.146
Lãi bán					
CII425021	180.000	20.450.000.000	19.419.586.190	1.030.413.810	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>41.611.300</b>	<b>868.622.090.000</b>	<b>794.238.157.255</b>	<b>74.383.932.745</b>	<b>37.907.243.926</b>
<b>Cổ phiếu</b>	<b>17.728.800</b>	<b>361.981.875.000</b>	<b>391.456.205.278</b>	<b>(29.474.330.278)</b>	<b>(8.316.287.620)</b>
Lỗ bán IJC	2.163.600	27.673.270.000	29.330.478.405	(1.657.208.405)	(921.311.849)
Lỗ bán HSG	4.611.300	78.739.575.000	84.819.755.661	(6.080.180.661)	(1.192.861.543)
Lỗ bán CII	4.906.700	103.588.085.000	111.077.467.958	(7.489.382.958)	(5.199.726.496)
Lỗ bán PVD	2.211.000	45.754.630.000	50.155.976.376	(4.401.346.376)	(18.894.444)
Lỗ bán TCH	420.000	7.542.500.000	7.703.416.666	(160.916.666)	(41.644.231)
Lỗ bán YEG	168.000	2.420.800.000	2.608.500.000	(187.700.000)	-
Lỗ bán DCM	266.800	8.494.050.000	8.747.351.162	(253.301.162)	-
Lỗ bán CTG	640.000	27.359.475.000	31.329.911.760	(3.970.436.760)	-
Lỗ bán BID	432.000	16.284.740.000	16.989.884.796	(705.144.796)	-
Lỗ bán DPM	1.250.000	28.950.000.000	32.575.686.537	(3.625.686.537)	(7.121.429)
Lỗ bán DXG	150.000	2.770.000.000	3.072.499.999	(302.499.999)	-
Lỗ bán NBB	130.000	2.670.000.000	3.161.661.132	(491.661.132)	(77.005.596)
Lỗ bán HPG	100.000	2.625.000.000	2.705.000.000	(80.000.000)	-
Lỗ bán VPB	125.000	2.344.750.000	2.394.900.640	(50.150.640)	(272.334.209)
Lỗ bán EIB	100.000	1.855.000.000	1.860.000.000	(5.000.000)	(502.454.001)
Lỗ bán BVH	54.400	2.910.000.000	2.923.714.186	(13.714.186)	(82.933.822)
<b>Trái phiếu</b>	<b>375.000</b>	<b>44.280.000.000</b>	<b>60.106.899.817</b>	<b>(15.826.899.817)</b>	<b>-</b>
Lỗ bán					
CII424002	110.000	16.860.000.000	22.500.000.000	(5.640.000.000)	-
Lỗ bán					
CII425021	265.000	27.420.000.000	37.606.899.817	(10.186.899.817)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.103.800</b>	<b>406.261.875.000</b>	<b>451.563.105.095</b>	<b>(45.301.230.095)</b>	<b>(8.316.287.620)</b>

## 2. Chênh lệch tăng / (giảm) đánh giá lại các tài sản tài chính (FVTPL)

Danh mục các tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ sách	Giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch thuần điều chỉnh số kế toán trong năm	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
<b>Cổ phiếu</b>	<b>170.314.420.412</b>	<b>150.027.140.079</b>	<b>(20.287.280.333)</b>	<b>(8.012.799.305)</b>	<b>(12.274.481.028)</b>	<b>2.406.281.838</b>	<b>(14.680.762.866)</b>
IJC	518.207.976	449.704.744	(68.503.232)	(515.856.088)	447.352.856	447.352.856	-
HSG	24.103.025.789	22.666.785.750	(1.436.240.039)	(2.401.409.857)	965.169.818	965.169.818	-
CII	44.804.404.927	39.844.415.114	(4.959.989.813)	(4.430.466.624)	(529.523.189)	-	(529.523.189)
PVD	3.535.476.118	3.831.619.726	296.143.608	(655.275.556)	951.419.164	951.419.164	-
TCH	4.303.683.857	4.190.700.000	(112.983.857)	820.000	(113.803.857)	-	(113.803.857)
DCM	10.666.819.295	10.238.751.245	(428.068.050)	-	(428.068.050)	-	(428.068.050)
BCG	5.539.772.781	4.048.000.000	(1.491.772.781)	-	(1.491.772.781)	-	(1.491.772.781)
CTG	42.073.764.188	32.518.200.000	(9.555.564.188)	-	(9.555.564.188)	-	(9.555.564.188)
DPM	32.652.183.463	30.126.500.000	(2.525.683.463)	-	(2.525.683.463)	-	(2.525.683.463)
DXG	131.040.000	133.380.000	2.340.000	-	2.340.000	2.340.000	-
NBB	1.985.004.354	1.977.651.000	(7.353.354)	24.283.341	(31.636.695)	-	(31.636.695)
HPG	-	-	-	(40.000.000)	40.000.000	40.000.000	-
VPB	1.037.664	1.432.500	394.836	5.105.479	(4.710.643)	-	(4.710.643)
<b>Trái phiếu</b>	<b>34.325.013.990</b>	<b>35.987.723.200</b>	<b>1.662.709.210</b>	<b>6.957.936.854</b>	<b>(5.295.227.644)</b>	<b>1.662.709.210</b>	<b>(6.957.936.854)</b>
CII424002	-	-	-	6.957.936.854	(6.957.936.854)	-	(6.957.936.854)
CII425021	34.325.013.990	35.987.723.200	1.662.709.210	-	1.662.709.210	1.662.709.210	-
<b>Cộng</b>	<b>204.639.434.402</b>	<b>186.014.863.279</b>	<b>(18.624.571.123)</b>	<b>(1.054.862.451)</b>	<b>(17.569.708.672)</b>	<b>4.068.991.048</b>	<b>(21.638.699.720)</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

Doanh thu từ hoạt động cho vay margin và ứng trước tiền bán chứng khoán.

#### *Lãi từ các khoản cho vay và phải thu các bên liên quan*

Các giao dịch về lãi từ các khoản cho vay và phải thu các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thành</i>		
Lãi ứng trước tiền bán chứng khoán	-	121.424.539
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Việt Thành</i>		
Lãi ứng trước tiền bán chứng khoán	64.374.251	17.669.085
<i>Các cá nhân có liên quan</i>		
Lãi ứng trước tiền bán chứng khoán	-	18.092.710

### 4. Doanh thu hoạt động khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu môi giới chứng khoán	4.874.156.182	4.840.380.847
Doanh thu lưu ký chứng khoán	536.660.132	482.016.136
Doanh thu khác	84.218.431	313.153.996
<b>Cộng</b>	<b><u>5.495.034.745</u></b>	<b><u>5.635.550.979</u></b>

#### *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan*

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thành</i>		
Phí giao dịch chứng khoán	378.608.279	755.940.522
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Việt Thành</i>		
Phí giao dịch chứng khoán	421.397.138	113.595.590
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Lâm Viên</i>		
Phí giao dịch chứng khoán	19.980	-
<i>Các thành viên quản lý chủ chốt</i>		
Phí giao dịch chứng khoán	75.911.940	-
<i>Các cá nhân có liên quan</i>		
Phí giao dịch chứng khoán	1.394.525	112.603.500

### 5. Chi phí hoạt động

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phí môi giới chứng khoán	1.937.767.813	1.470.934.527
Phí lưu ký chứng khoán	603.960.149	529.331.569
<b>Cộng</b>	<b><u>2.541.727.962</u></b>	<b><u>2.000.266.096</u></b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 6. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	82.697.674	47.558.675
Lãi ký quỹ thanh toán	475.675.332	369.181.357
<b>Cộng</b>	<b><u>558.373.006</u></b>	<b><u>416.740.032</u></b>

### 7. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8.481.332.785	6.896.906.878
Chi phí công cụ, dụng cụ	532.026.000	277.747.493
Chi phí khấu hao tài sản cố định	496.807.514	349.997.937
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.699.012.076	4.512.574.098
Các chi phí khác	795.204.152	624.790.359
<b>Cộng</b>	<b><u>15.004.382.527</u></b>	<b><u>12.662.016.765</u></b>

### 8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.352.683.809	34.395.956.978
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.352.683.809	34.395.956.978
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	30.000.000	30.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>545</u></b>	<b><u>1.147</u></b>

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

## VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<u>Ghi chú</u>
- Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Báo cáo tài chính nhưng trước khi Báo cáo tài chính được phép phát hành	Không có
- Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	Không có
- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	Không có

## IX. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại ngày kết thúc năm tài chính, khoản trả trước tiền mua sắm tài sản cố định là 430.000.000 VND (số đầu năm là 430.000.000 VND).



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các giao dịch với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số VII.3 và VII.4.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số VI.18.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	2.675.800.000	2.156.194.587
Bảo hiểm	18.522.000	17.059.320
Tiền thưởng, tiền phép	220.620.560	9.170.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.914.942.560</u></b>	<b><u>2.182.423.907</u></b>

##### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thành	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Lâm Viên	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Việt Thành	Có cùng người đại diện pháp luật với Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Lâm Viên

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VII.3 và VII.4, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thành</b>		
Ứng trước tiền bán chứng khoán	-	166.258.210.036
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Việt Thành</b>		
Ứng trước tiền bán chứng khoán	100.293.015.659	27.378.664.563

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh VI.5.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 2. Thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	1.434.540.800	2.391.021.600
Trên 01 năm đến 05 năm	-	1.434.540.800
<b>Cộng</b>	<b>1.434.540.800</b>	<b>3.825.562.400</b>

Công ty thuê văn phòng dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 7 năm 2020 và được gia hạn thời gian thuê đến ngày 31 tháng 7 năm 2026.

#### 3. Thông tin về bộ phận

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh môi giới và lưu ký chứng khoán.
- Lĩnh vực kinh doanh tự doanh.
- Lĩnh vực cho vay margin
- Các lĩnh vực khác: tư vấn tài chính và lĩnh vực khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Môi giới và lưu ký chứng khoán	Tự doanh	Cho vay margin	Các lĩnh vực khác	Cộng
<b>Năm nay</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	5.410.816.314	85.366.631.897	11.380.064.567	84.218.431	102.241.731.209
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>5.410.816.314</b>	<b>85.366.631.897</b>	<b>11.380.064.567</b>	<b>84.218.431</b>	<b>102.241.731.209</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.869.088.352	18.426.702.082	11.380.064.567	84.218.431	32.760.073.432
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(15.004.382.527)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					17.755.690.905
Doanh thu hoạt động tài chính					558.373.006
Chi phí tài chính					-
Thu nhập khác					164.560
Chi phí khác					(8.101.340)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(5.467.385.056)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					3.513.941.734
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>16.352.683.809</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH**

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Môi giới và lưu ký chứng khoán	Tự doanh	Cho vay margin	Các lĩnh vực khác	Cộng
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>					<u>915.948.430</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>					<u>506.336.325</u>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>					-
<b>Năm trước</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	5.322.396.983	57.222.607.200	6.779.829.188	313.153.996	69.637.987.367
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<u>5.322.396.983</u>	<u>57.222.607.200</u>	<u>6.779.829.188</u>	<u>313.153.996</u>	<u>69.637.987.367</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.322.130.887	36.282.384.741	6.779.829.188	313.153.996	46.697.498.812
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(12.662.016.765)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					34.035.482.047
Doanh thu hoạt động tài chính					416.740.032
Chi phí tài chính					-
Thu nhập khác					1.500.001
Chi phí khác					(57.765.102)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<u>34.395.956.978</u>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>					<u>834.463.640</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>					<u>383.777.501</u>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>					-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Số cuối năm	Môi giới			Các lĩnh vực khác	Cộng
	chứng khoán	Tự doanh	Cho vay margin		
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	186.014.863.279	96.157.287.883	-	282.172.151.162
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	42.407.470.366
<b>Tổng tài sản</b>					<b>324.579.621.528</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	3.225.000.000	-	-	3.225.000.000
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	1.940.542.249
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>5.165.542.249</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	185.659.400.301	50.211.635.345	-	235.871.035.646
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	68.952.277.651
<b>Tổng tài sản</b>					<b>304.823.313.297</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	1.761.917.827
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>1.761.917.827</b>

#### 4. Thông tin khác

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2024 ngày 26 tháng 4 năm 2024, Công ty tiếp tục triển khai xin cấp phép nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán và dự kiến phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty với số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán là 15.000.000 cổ phiếu và tổng giá trị chào bán theo mệnh giá là 150.000.000.000 VND. Thời gian dự kiến thực hiện chào bán trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/BB-ĐHĐCĐ/2025 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2025 ngày 08 tháng 4 năm 2025, Công ty tiếp tục triển khai xin cấp phép nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán và có kế hoạch tăng vốn điều lệ mới thay thế kế hoạch tăng vốn điều lệ được nêu tại Đại hội đồng cổ đông năm 2024. Cụ thể, Công ty dự kiến phát hành 20.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tổng giá trị chào bán theo mệnh giá là 200.000.000.000 VND nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh. Thời gian dự kiến thực hiện chào bán trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## 5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngoài sự kiện nêu tại thuyết minh X.4, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

**Hồ Trần Ngọc Anh**  
Người lập biểu

**Đào Thị Lan**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Thị Cẩm Viên**  
Tổng Giám đốc

